

Số: 06/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 25 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư phát triển
nguồn ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023 của 03 Chương
trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 02 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của
Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn
2021-2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực
hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách
trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình
mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn
đầu tư phát triển thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-
2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ ngân
sách nhà nước thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh
Đắk Nông năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh một số nội dung tại Điều 2 Nghị
quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh*

Đắc Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắc Nông năm 2022;

Xét Tờ trình số 1935 /TTr-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắc Nông về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023 của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắc Nông và Báo cáo số 261/BC-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu giải trình kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023 của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắc Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương năm 2022 chưa giải ngân của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắc Nông đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 36.041,118 triệu đồng; trong đó: ngân sách tỉnh 6.400 triệu đồng, ngân sách cấp huyện 29.641,118 triệu đồng (Chi tiết có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắc Nông Khóa IV, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 7 thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./. 

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: TC, KH&ĐT, NN&PTNT, LĐTB&XH;
- Ủy ban dân tộc;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy; Trường Chính trị tỉnh;
- Các: Ban HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh
- Các Sở, Ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắc Nông, Đài PT-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo Đắc Nông;
- Trung tâm Lưu trữ - SNV;
- Website cơ quan;
- Lưu: VT, CT.HĐND, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung

Phụ lục

CHO PHÉP KÉO DÀI VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 SANG NĂM 2023 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HDND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Tổng vốn đã giao			Cho phép kéo dài			Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Tổng	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	
	TỔNG CỘNG (A+B+C)	131.270,000	23.932,000	107.338,000	36.041,118	6.400,000	29.641,118	
A	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	17.919,000	7.419,000	10.500,000	3.517,757	-	3.517,757	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	1.140,000	557,000	583,000	165,000	-	165,000	
*	Phân cấp cho cấp huyện	1.140,000	557,000	583,000	165,000	-	165,000	
1	UBND huyện Krông Nô	144,000	43,000	101,000	-	-	-	
2	UBND huyện Cư Jút	104,000	-	104,000	104,000	-	104,000	
3	UBND huyện Đắk Mil	48,000	-	48,000	48,000	-	48,000	
4	UBND huyện Đắk Song	44,000	13,000	31,000	13,000	-	13,000	
5	UBND huyện Đắk Rlấp	84,000	-	84,000	-	-	-	
6	UBND huyện Tuy Đức	356,000	249,000	107,000	-	-	-	
7	UBND huyện Đắk Glong	360,000	252,000	108,000	-	-	-	
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	-	-	-	-	-	-	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	14.000,000	6.200,000	7.800,000	3.052,757	-	3.052,757	
*	Phân cấp cho cấp huyện	14.000,000	6.200,000	7.800,000	3.052,757	-	3.052,757	
1	UBND huyện Krông Nô	-	-	-	-	-	-	
2	UBND huyện Đắk Mil	4.000,000	-	4.000,000	2.452,757	-	2.452,757	
3	UBND huyện Đắk Song	2.000,000	600,000	1.400,000	600,000	-	600,000	
4	UBND huyện Đắk Glong	8.000,000	560,000	2.400,000	-	-	-	
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	2.779,000	662,000	2.117,000	300,000	-	300,000	
*	Phân cấp cho cấp huyện	2.779,000	662,000	2.117,000	300,000	-	300,000	
1	UBND huyện Krông Nô	300,000	90,000	210,000	-	-	-	
2	UBND huyện Cư Jút	300,000	-	300,000	300,000	-	300,000	
3	UBND huyện Đắk Mil	300,000	-	300,000	-	-	-	
4	UBND huyện Đắk Song	150,000	45,000	105,000	-	-	-	
5	UBND huyện Đắk Rlấp	300,000	-	300,000	-	-	-	
6	UBND huyện Tuy Đức	453,000	317,000	136,000	-	-	-	
7	UBND huyện Đắk Glong	300,000	210,000	90,000	-	-	-	
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	676,000	-	676,000	-	-	-	
B	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	15.131,000	10.113,000	5.018,000	308,102	-	308,102	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	12.940,000	9.059,000	3.881,000	-	-	-	
1	Hoạt động 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo	12.940,000	9.059,000	3.881,000	-	-	-	
*	Phân cấp cho cấp huyện	12.940,000	9.059,000	3.881,000	-	-	-	
1	UBND huyện Tuy Đức	6.431,000	4.502,000	1.929,000	-	-	-	
2	UBND huyện Đắk Glong	6.509,000	4.557,000	1.952,000	-	-	-	
IV	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	2.191,000	1.054,000	1.137,000	308,102	-	308,102	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	2.098,000	982,000	1.116,000	304,102	-	304,102	
*	Các Sở, ban, ngành	540,000	540,000	-	-	-	-	
1	Trường Cao đẳng cộng đồng Đắk Nông	540,000	540,000	-	-	-	-	
*	Phân cấp cho cấp huyện	1.558,000	442,000	1.116,000	304,102	-	304,102	
1	UBND huyện Krông Nô	203,000	61,000	142,000	-	-	-	
2	UBND huyện Cư Jút	195,000	-	195,000	47,102	-	47,102	
3	UBND huyện Đắk Mil	257,000	-	257,000	257,000	-	257,000	
4	UBND huyện Đắk Song	177,000	53,000	124,000	-	-	-	

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Tổng vốn đã giao			Cho phép kéo dài			Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Tổng	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	
5	UBND huyện Đắk R'Lấp	257,000	-	257,000	-	-	-	
6	UBND huyện Tuy Đức	230,000	161,000	69,000	-	-	-	
7	UBND huyện Đắk Glong	239,000	167,000	72,000	-	-	-	
3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	93,000	72,000	21,000	4,000	-	4,000	
*	Các Sở, ban, ngành	65,000	65,000	-	-	-	-	
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	65,000	65,000	-	-	-	-	
*	Phân cấp cho cấp huyện	28,000	7,000	21,000	4,000	-	4,000	
1	UBND huyện Krông Nô	4,000	1,000	3,000	-	-	-	
2	UBND huyện Cư Jút	4,000	-	4,000	-	-	-	
3	UBND huyện Đắk Mil	4,000	-	4,000	4,000	-	4,000	
4	UBND huyện Đắk Song	3,000	1,000	2,000	-	-	-	
5	UBND huyện Đắk R'lấp	4,000	-	4,000	-	-	-	
6	UBND huyện Tuy Đức	4,000	3,000	1,000	-	-	-	
7	UBND huyện Đắk Glong	3,000	2,000	1,000	-	-	-	
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	2,000	-	2,000	-	-	-	
C	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	98.220,000	6.400,000	91.820,000	32.215,259	6.400,000	25.815,259	
I	Các Sở, ban, ngành	6.400,000	6.400,000	-	6.400,000	6.400,000	-	
I	Thực hiện các chương trình chuyên đề do Thủ tướng phê duyệt và công tác khen thưởng	6.400,000	6.400,000	-	6.400,000	6.400,000	-	UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện
II	Phân cấp cho cấp huyện	91.820,000	-	91.820,000	25.815,259	-	25.815,259	
1	UBND huyện Krông Nô	16.842,000	-	16.842,000	-	-	-	
2	UBND huyện Cư Jút	11.678,000	-	11.678,000	2.494,916	-	2.494,916	
3	UBND huyện Đắk Mil	15.680,000	-	15.680,000	21.587,343	-	21.587,343	
4	UBND huyện Đắk Song	9.346,000	-	9.346,000	1.733,000	-	1.733,000	
5	UBND huyện Đắk R'lấp	14.187,000	-	14.187,000	-	-	-	
6	UBND huyện Tuy Đức	9.956,000	-	9.956,000	-	-	-	
7	UBND huyện Đắk Glong	10.744,000	-	10.744,000	-	-	-	
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	3.387,000	-	3.387,000	-	-	-	